

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH**

Số: 455/NBTPC- TCKT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 28 tháng 07 năm 2020

V/v Công bố Nghị quyết HĐQT

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
2. Mã chứng khoán: NBP.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 A, đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.
4. Điện thoại 0229 2210537 Fax: 0229 3873762
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lương Thị Thúy người được UQCBTT.
6. Nội dung thông tin được công bố: Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh bình về việc chi trả cổ tức năm 2019.
Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các cổ đông biết.
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Đính kèm : Số 426 /NQ- NBTPC- HĐQT ngày 28 tháng 07 năm 2020
Số 314 /NQ- ĐHCĐ – NBTPC ngày 25 tháng 5 năm 2020
Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020

Nơi nhận:

- Như trên
- Web NBTPC;
- HĐQT, BTGD;
- Lưu VT. TCKT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Lương Thị Thúy

**NGHỊ QUYẾT
Về việc chi trả cổ tức năm 2019**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt Điện Ninh Bình ban hành theo quyết định số 759/QĐ-NBTPC-HĐQT ngày 07/12/2018 của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Nghị quyết số 314/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 25/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Căn cứ biên bản số 232/BB-NBTPC-HĐQT ngày 28/7/2020 của Hội đồng quản trị về việc họp HĐQT thường kỳ lần 2/2020;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chi trả cổ tức bằng tiền năm 2019 như sau:

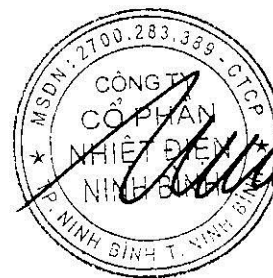
- Tỷ lệ chi trả cổ tức là 10% vốn điều lệ (1000 đồng/1 cổ phần)
- Ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức: 21/8/2020
- Thời gian chi trả : 31/8/2020
- Nguồn chi trả: Lợi nhuận năm 2019

Điều 2. Giao Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị chức năng triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban TGD;
- TB kiểm soát;
- Lưu VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Tổng Đức Chính

Số: 314/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC

Ninh Bình, ngày 25 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình;

Căn cứ biên bản số: 164/BB-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 25/5/2020 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình ngày 25 tháng 5 năm 2020 với 17 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 10.910.815 cổ phần, chiếm 84,81 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã thảo luận và biểu quyết thông qua các điều sau đây:

Điều 1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội: 10.910.815 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đồng ý: đạt tỷ lệ 100 %
- Số cổ phiếu không đồng ý: đạt tỷ lệ 0 %
- Số cổ phiếu có ý kiến khác: đạt tỷ lệ 0 %

Điều 2. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2019	THỰC HIỆN NĂM 2019	TỶ LỆ (TH/KH)
1	Sản lượng điện phát	Tr.kWh	517,00	645,30	124,82%
2	Tỷ lệ điện tự dùng	%	10,50%	9,11%	
3	Sản lượng điện TP	Tr.kWh	462,72	586,30	126,71%
4	Suất hao than tiêu chuẩn	g/kWh	553,46	539,22	
5	Suất hao dầu	g/kWh	0,30	0,17	
6	Tổng chi phí SXKD	Tr.đồng	929.457,19	1.168.975,27	125,77%
6.1	Chi phí SXKD điện	Tr.đồng	926.256,22	1.163.603,91	125,62%
	+Trong đó: Chi phí lãi vay			645,54	

6.2	Chi phí SXKD khác	Tr.đồng	3.200,98	5.371,36	167,80%
7	Tổng doanh thu SXKD	Tr.đồng	954.781,39	1.194.470,16	125,10%
7.1	Doanh thu SX điện	Tr.đồng	949.156,04	1.185.732,28	124,92%
7.2	Doanh thu SXKD khác	Tr.đồng	5.625,35	8.737,88	155,33%
7.2.1	Doanh thu HĐ tài chính	Tr.đồng	1.437,00	1.736,79	120,86%
8	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	Tr.đồng	25.324,20	25.494,90	100,67%
9	Thuế TNDN	Tr.đồng	5.064,84	5.132,66	
10	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	20.259,36	20.362,24	100,67%

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội: **10.910.815** cổ phiếu
- Số cổ phiếu đồng ý: đạt tỷ lệ 100 %
- Số cổ phiếu không đồng ý: đạt tỷ lệ 0 %
- Số cổ phiếu có ý kiến khác: đạt tỷ lệ 0 %

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019.

- Tổng doanh thu SXKD: **1.194.470,16** triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: **20.362,24** triệu đồng

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội: **10.910.815** cổ phiếu
- Số cổ phiếu đồng ý: đạt tỷ lệ 100 %
- Số cổ phiếu không đồng ý: đạt tỷ lệ 0 %
- Số cổ phiếu có ý kiến khác: đạt tỷ lệ 0 %

Điều 4. Thông qua phương hướng, các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD năm 2020 và một số giải pháp chính trong năm 2020.

1. Phương hướng sản xuất kinh doanh.

- Công ty tiếp tục thực hiện theo cơ chế sản xuất Dịch vụ phụ trợ (như 2019).
- Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020 là sản xuất điện an toàn, kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận, vì đời sống của người lao động và lợi ích của các nhà đầu tư. Tiếp tục công tác phục hồi thiết bị theo đề án “Nâng cao độ tin cậy, hiệu suất vận hành Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình”
- Triển khai kế hoạch đấu thầu, thay mới bản thể turbine số 4 trên cơ sở hiệu quả triển khai đại tu thay mới bản thể turbine số 1, số 2, số 3. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, triển khai đấu thầu và thực hiện đại tu thay mới bản thể turbine số 4 theo quy định;
- Triển khai thực hiện dự án xử lý môi trường; Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải lò hơi (FGD) (khi có văn bản tiếp tục triển khai) vì mục tiêu chiến lược là tồn tại ổn định và phát triển lâu dài, kéo dài tuổi thọ của nhà máy đến sau năm 2030.

2. Các chỉ tiêu cơ bản KH SXKD.

STT	DIỄN GIẢI	Đơn vị tính	Kế hoạch SXKD 2020
1	Sản lượng điện phát	Triệu kWh	618,00
2	Tỷ lệ điện tự dùng	%	10,00
3	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	556,20
4	Suất hao nhiệt	kCal/kWh	4.277,78
5	Suất hao dầu	g/kWh	0,30
6	Tổng chi phí SXKD	Triệu đồng	1.095.961,78
6.1	Chi phí SXKD khác	Triệu đồng	3.769,19
6.2	Chi phí SXKD điện:	Triệu đồng	1.090.042,59
6.2.1	Chi phí cố định:	Triệu đồng	186.318,32
-	Lương, thưởng ATĐ, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Triệu đồng	88.952,89
-	Khấu hao TSCĐ	Triệu đồng	12.984,58
-	Sửa chữa lớn	Triệu đồng	35.850,50
-	Dịch vụ mua ngoài	Triệu đồng	3.228,48
-	Chi phí khác bằng tiền	Triệu đồng	32.761,64
-	Chi phí vật liệu	Triệu đồng	12.540,24
6.2.2	Chi phí biến đổi	Triệu đồng	903.724,27
6.3	Chi phí Tài chính	Triệu đồng	2.150,00
7	Tổng doanh thu SXKD	Triệu đồng	1.120.841,83
7.1	Doanh thu SX điện	Triệu đồng	1.114.455,22
7.2	Doanh thu SXKD khác	Triệu đồng	5.488,31
7.3	Doanh thu Tài chính	Triệu đồng	898,29
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.880,04
8.1	Lợi nhuận sản xuất điện	Triệu đồng	24.412,63
8.2	Lợi nhuận sản xuất khác	Triệu đồng	1.719,12
8.3	Lợi nhuận Tài chính	Triệu đồng	-1.251,71
9	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	19.904,03
10	Cổ tức KH 2020: Dự kiến phân đầu >10%*VĐL	Triệu đồng	12.865,50

Kế hoạch SXKD năm 2020 đã phân đầu tiết kiệm: 10% chi phí kế hoạch (chi phí vật liệu, dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền), tiết kiệm 20% chi phí sửa chữa lớn. Sản lượng dự kiến là 618 triệu kwh và kế hoạch doanh thu, chi phí tạm tính. Sản lượng trên phụ thuộc vào việc huy động của EVN theo cơ chế dịch vụ phụ trợ

3. Các giải pháp chính.

- Tích cực làm việc với các đơn vị cung ứng nhiên liệu (than) để đáp ứng yêu cầu sản xuất khi Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia huy động với phương thức

cao. Tính toán, xây dựng và triển khai công tác quản trị nhiên liệu (than) đảm bảo hiệu quả nhất, đảm bảo cân đối dòng tiền, hạn chế thấp nhất mức vay tín dụng để trả tiền mua nhiên liệu.

- Bảo dưỡng, củng cố thiết bị để dự phòng sẵn sàng và vận hành tin cậy khi được huy động. Nhanh chóng khắc phục các sự cố hư hỏng thiết bị đưa vào vận hành. Chuẩn bị thiết bị sẵn sàng đáp ứng phương thức khi A0 huy động, đáp ứng hệ số khả dụng.

- Tiếp tục giữ vững sản xuất an toàn, kinh tế, đoàn kết trong Công ty; không ngừng nâng cao năng lực làm việc thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và người lao động.

- Duy trì và nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường. Triển khai lắp đặt bổ sung thiết bị quan trắc môi trường online đối với nước thải, khí thải, nước làm mát. Xây dựng và đạt chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001. Lắp đặt bảng điện tử hiển thị công khai số liệu quan trắc tự động các thông số về khí thải, nước thải, nước làm mát trước cổng nhà máy và các hạng mục liên quan khác.

- Hoàn thành các danh mục sửa chữa lớn thiết bị theo kế hoạch.

- Thực hành tiết kiệm, nâng cao năng lực quản lý. Tiếp tục thực hiện hiệu quả hơn nữa chương trình tối ưu hóa chi phí sản xuất.

- Sắp xếp, bố trí lao động phù hợp với tình hình nhân lực hiện nay theo hướng tinh gọn và tăng năng suất lao động.

- Thực hiện tốt chủ đề năm 2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam “Tập trung hoàn thành toàn diện kế hoạch giai đoạn 2016-2020”.

- Thực hiện nâng cao hiệu quả quản lý theo chương trình đánh giá hiệu quả công việc KPIs.

- Tiếp tục hiệu đính và hoàn thiện các quy định, quy chế quản lý, quản trị nội bộ cho phù hợp với thực tế.

- Bảo đảm an toàn, không để xảy ra các tai nạn lao động, sự cố thiết bị, cháy nổ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện quy định Văn hóa doanh nghiệp, nhận diện thương hiệu, tăng cường công tác truyền thông, tiếp xúc cộng đồng.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội: **10.910.815** cổ phiếu

- Số cổ phiếu đồng ý: đạt tỷ lệ 100 %

- Số cổ phiếu không đồng ý: đạt tỷ lệ 0 %

- Số cổ phiếu có ý kiến khác: đạt tỷ lệ 0 %

Điều 5. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội: **10.910.815** cổ phiếu
- Số cổ phiếu đồng ý: đạt tỷ lệ 100 %
- Số cổ phiếu không đồng ý: đạt tỷ lệ 0 %
- Số cổ phiếu có ý kiến khác: đạt tỷ lệ 0 %

Điều 6. Thông qua đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020, 2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt đơn vị kiểm toán năm 2020, 2021 trên cơ sở kết quả đấu thầu kiểm toán tập trung theo nghị quyết số 50/NQ-HĐQT ngày 25/3/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty phát điện 3.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội: **10.910.815** cổ phiếu
- Số cổ phiếu đồng ý: đạt tỷ lệ 100 %
- Số cổ phiếu không đồng ý: đạt tỷ lệ 0 %
- Số cổ phiếu có ý kiến khác: đạt tỷ lệ 0 %

Điều 7. Thông qua báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thưởng An toàn điện, thù lao của Người quản lý, quỹ tiền lương, thưởng An toàn điện của Người lao động năm 2019, cụ thể như sau:

1. Chi trả quỹ tiền lương, thưởng An toàn điện, thù lao của Người quản lý năm 2019 là 2.269.970.000 đồng.

Trong đó:

- Quỹ tiền lương: 1.698.840.000 đồng
- Quỹ thù lao: 322.920.000 đồng
- Quỹ tiền thưởng ATĐ: 248.210.000 đồng

2. Chi trả Quỹ tiền lương, an toàn điện của người lao động năm 2019 là: 79.235.170.000 đồng;

Trong đó:

- Quỹ tiền lương SXKD điện : 65.965.420.000 đồng
- Quỹ tiền thưởng ATĐ: 13.269.750.000 đồng

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội: **10.910.815** cổ phiếu
- Số cổ phiếu đồng ý: đạt tỷ lệ 100 %
- Số cổ phiếu không đồng ý: đạt tỷ lệ 0 %
- Số cổ phiếu có ý kiến khác: đạt tỷ lệ 0 %

Điều 8. Thông qua kế hoạch quỹ tiền lương, thưởng An toàn điện, thù lao của Người quản lý và Quỹ tiền lương, thưởng An toàn điện của Người lao động năm 2020:

386
Y
AN
HIEP
NH

1. Tiền lương, thưởng An toàn điện, thù lao của Người quản lý năm 2020;

Căn cứ thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Căn cứ quy chế 96/QĐ-EVN ngày 26/3/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Thông qua kế hoạch mức lương, thù lao tạm tính của HĐQT, ban TGD, Kế toán trưởng năm 2020 như sau:

Số TT	Chức vụ	Chế độ làm việc	Hệ số cấp bậc (Hcb)	Số tháng làm việc	Số người	Mức lương cơ bản	Hệ số tăng thêm ML cơ bản	Mức lương kế hoạch	Mức lương kế hoạch gắn với LN và NSLĐ	Tiền lương, thù lao (1.000 đồng)				Ghi chú
										Quỹ tiền lương	Quỹ thù lao	Quỹ tiền thưởng ATĐ	Tổng cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	6,64	12	1	27.000,0	0,3	35.100,0	31.590,0	379.080,0		57.051	436.131	
2	Tổng Giám đốc	Chuyên trách	6,31	12	1	26.000,0	0,3	33.800,0	30.420,0	365.040,0		54.216	419.256	
3	Trưởng ban Kiểm soát	Chuyên trách	5,42	12	1	24.000,0	0,3	31.200,0	28.080,0	336.960,0		46.569	383.529	
4	Phó Tổng Giám đốc	Chuyên trách	5,65	18	2	23.000,0	0,3	29.900,0	26.910,0	484.380,0		72.817	557.197	
5	Kế toán trưởng	Chuyên trách	5,32	12	1	21.000,0	0,3	27.300,0	24.570,0	294.840,0		45.709	340.549	
6	Thành viên HĐQT	Không chuyên trách		36	3	4.600,0	0,3	5.980,0	5.382,0		193.752	-	193.752	
7	Thành viên BKS	Không chuyên trách		24	2	4.600,0	0,3	5.980,0	5.382,0		129.168	-	129.168	
										1.860.300	322.920	276.362	2.459.582	

Tổng tiền lương, thù lao các thành viên trên được hạch toán vào chi phí giá thành sản xuất điện năm 2020.

2. Quỹ tiền lương, thưởng ATĐ của người lao động năm 2020:

Để đảm bảo thu nhập cho người lao động trong Công ty năm 2020, Công ty lựa chọn tổng quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện năm 2020 là: 76.341,32 triệu đồng.

Trong đó:

- Quỹ tiền lương kế hoạch (Vkh 2020) là: 63.239,90 triệu đồng

- Quỹ thưởng an toàn điện là: 13.101,41 triệu đồng

(Quỹ tiền lương KH năm 2020 giảm so với thực hiện năm 2019 là 4,14%. Số lao động bình quân năm 2020 giảm so với số lao động thực tế bình quân năm 2019 là 1,22%)

3. Một số điều kiện tăng, giảm về Quỹ tiền lương, thưởng, thù lao.

Căn cứ kết quả SXKD năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ủy quyền cho HĐQT xem xét quyết định điều chỉnh mức tăng hay giảm quỹ tiền lương chung của công ty: Quỹ tiền lương, thù lao HĐQT, ban TGD, BKS, Kế toán trưởng và quỹ tiền lương, thưởng ATĐ của người lao động.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội: **10.910.815** cổ phiếu
- Số cổ phiếu đồng ý: đạt tỷ lệ 100 %
- Số cổ phiếu không đồng ý: đạt tỷ lệ 0 %
- Số cổ phiếu có ý kiến khác: đạt tỷ lệ 0 %

Điều 9. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và dự kiến kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	25.494,90
2	Các khoản chi phí không được trừ	393,40
3	Thu nhập không chịu thuế	225,00
3.1	Cổ tức được chia	225,00
4	Lợi nhuận tính thuế	25.663,30
4.1	Chi phí thuế TNDN (20%)	5.132,66
4.2	Truy thu thuế 2018	-
5	Lợi nhuận sau thuế	20.362,24
6	Lợi nhuận phân phối 2019	20.362,24
6.1	Quỹ đầu tư phát triển	-
6.2	Quỹ thưởng ban điều hành (1,5 tháng lương của viên chức quản lý theo TT 28/2016)	212,36
6.3	Quỹ khen thưởng phúc lợi (bằng 1T lương tiền lương bình quân thực hiện của người lao động theo TT28/2016)	5.497,12
	Tr đó: Quỹ khen thưởng 60%	3.298,27
	Quỹ phúc lợi 40%	2.198,85
6.4	Chia cổ tức cho cổ đông 10% vốn điều lệ	12.865,50
7	Lợi nhuận còn lại của năm 2019	1.787,267
8	Lợi nhuận còn lại của năm trước	1.771,840
9	Tổng lợi nhuận còn lại	3.559,107

Lợi nhuận còn để lại mục 9 Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty xem xét quyết định thời gian chốt danh sách cổ đông, thời gian chi trả cổ tức năm 2019 theo quy định.

2. Dự kiến kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020

- Dự kiến mức chi trả cổ tức năm 2020 tối thiểu là 10%VĐL.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội: **10.910.815** cổ phiếu
- Số cổ phiếu đồng ý: đạt tỷ lệ 100 %
- Số cổ phiếu không đồng ý: đạt tỷ lệ 0 %
- Số cổ phiếu có ý kiến khác: đạt tỷ lệ 0 %

Điều 10. Miễn nhiệm TV BKS, đề cử, bầu bổ sung thay thế TV BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

1. Miễn nhiệm TV BKS nhiệm kỳ 2018-2023:

- Miễn nhiệm TV BKS đối với Bà Phạm Thị Huyền

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội: **10.910.815** cổ phiếu
- Kết quả biểu quyết: Đại hội nhất trí với tỷ lệ 100 %.

2. Bầu bổ sung TV BKS nhiệm kỳ 2018-2023:

- Bầu bổ sung TV BKS đối với Bà Vũ Thị Thanh Hải

Kết quả bầu cử:

- Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội: **10.910.815** cổ phiếu
- Kết quả bầu cử: Đại hội nhất trí với tỷ lệ 100 %.
- Bà Vũ Thị Thanh Hải trúng cử TV BKS nhiệm kỳ 2018-2023

Điều 11. Triển khai thực hiện Nghị quyết.

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2020.

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện tới Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Đại hội thông qua Nghị quyết với 100 % cổ đông và đại diện cổ đông tán thành./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT**



Tổng Đức Chính